

Số: 71/2019/QĐ-UBND

An Giang, ngày 23 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định hỗ trợ thúc đẩy hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 51/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ về việc Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 22/2011/TTLT-BTC-BKHCN ngày 21 tháng 02 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý tài chính đối với các dự án sản xuất thử nghiệm được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí;

Căn cứ Thông tư số 09/2013/TT-BKHCN ngày 15 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn quản lý chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1427/TTr-SKHCN ngày 18 tháng 12 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định hỗ trợ thúc đẩy hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 01 năm 2020 và thay thế Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2016 – 2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Đoàn thể tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Website. Chính phủ;
- Cục kiểm tra VBQPPL;
- TT. Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CT và PCT.UBND tỉnh;
- Sở, Ban, ngành, Đoàn thể tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Báo An Giang, Đài PTTH An Giang;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo tin học tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, HCTC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Thư

QUY ĐỊNH

Hỗ trợ thúc đẩy hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang

*(Ban hành kèm theo Quyết định số .../2019/QĐ-UBND,
ngày .../12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định hỗ trợ thúc đẩy hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân, cơ quan, doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh tham gia thực hiện dự án hỗ trợ, đặc biệt ưu tiên đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các tổ chức khoa học công nghệ, doanh nghiệp khoa học công nghệ. Các tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án phải có liên kết với tổ chức khoa học và công nghệ; doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong và ngoài tỉnh.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Doanh nghiệp khoa học và công nghệ* là doanh nghiệp được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và thực hiện việc sản xuất, kinh doanh, dịch vụ từ kết quả khoa học và công nghệ.

2. *Cơ quan chủ trì dự án* (sau đây gọi tắt là tổ chức chủ trì) là tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp chủ trì xây dựng, triển khai dự án thuộc quy định này.

3. *Chủ nhiệm dự án* (sau đây gọi tắt là chủ nhiệm) là cá nhân đã đăng ký, được xét duyệt và chịu trách nhiệm thực hiện dự án thuộc quy định này.

4. *Cơ quan quản lý dự án* được hiểu như sau: Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan quản lý dự án do các tổ chức, cá nhân thực hiện dự án được hỗ trợ từ Quy định này.

Điều 3. Nguyên tắc chung xét chọn dự án

1. Dự án được xét chọn phải thuộc các lĩnh vực sau:

- a) Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;
- b) Công nghệ sản xuất sạch hơn và bảo vệ môi trường;
- c) Công nghệ thông tin và truyền thông;

d) Sản xuất máy móc, thiết bị, vật liệu mới và một số lĩnh vực khác;

đ) Hoạt động nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

2. Điều kiện hỗ trợ:

a) Đối tượng được hỗ trợ có địa chỉ hoạt động trên địa bàn tỉnh An Giang. Riêng đối với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh phải hoạt động đúng ngành nghề đã đăng ký kinh doanh và thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước.

b) Những dự án ứng dụng, đổi mới nâng cao trình độ công nghệ, tập huấn kỹ thuật, nhân rộng mô hình, chuyển giao công nghệ và sản xuất thử nghiệm phải có tính mới, tính tiên tiến, tính hiệu quả, tính khả thi, và tính bền vững so với công nghệ cũ.

c) Ưu tiên hỗ trợ các dự án có công nghệ cần chuyển giao của đơn vị trong tỉnh cho tổ chức, cá nhân trong tỉnh; các mô hình, dự án áp dụng sáng chế, sáng kiến, giải pháp hữu ích. Đồng thời, ưu tiên xem xét hỗ trợ các dự án ứng dụng công nghệ chế biến thực phẩm, công nghệ sau thu hoạch và công nghệ sử dụng nguyên liệu sẵn có tại địa phương.

d) Dự án được hỗ trợ phải mang tính khả thi và giải quyết được nhu cầu bức xúc, cấp thiết của ngành, địa phương. Đồng thời, phải phù hợp với lĩnh vực ưu tiên và danh mục hỗ trợ được xem xét. Đặc biệt, kết quả sản phẩm dự kiến phải có địa chỉ ứng dụng và chuyển giao; phải đảm bảo nguồn kinh phí đối ứng theo quy định (nếu có) và khả năng duy trì, nhân rộng dự án.

đ) Việc lựa chọn hộ tham gia thực hiện trong dự án: Hộ tham gia thực hiện dự án nếu chưa nghiệm thu thì không được tham gia dự án khác thuộc Quy định này (trừ trường hợp dự án phục vụ cho mục tiêu phát triển sản phẩm theo chuỗi giá trị).

e) Các dự án hỗ trợ phải có thị trường tiêu thụ hay biên bản ghi nhớ hoặc hợp đồng bao tiêu sản phẩm (áp dụng đối với dự án nhân rộng mô hình).

3. Hình thức hỗ trợ: Các tổ chức, cá nhân chỉ được xem xét hỗ trợ trước khi triển khai thực hiện dự án.

4. Yêu cầu đối với dự án:

a) Mục tiêu của dự án phải rõ ràng và được định lượng, phải có tác động tích cực tới việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, ngành và địa phương.

b) Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ có xuất xứ từ kết quả nghiên cứu của đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ đã được hội đồng khoa học và công nghệ đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị triển khai áp dụng hoặc kết quả khai thác sáng chế hoặc giải pháp hữu ích.

c) Những mô hình từ thực tiễn có hiệu quả, khi gửi đơn đề nghị xem xét hỗ trợ từ Quy định này, thì mô hình đó phải được thẩm định từ tổ chức khoa học công nghệ.

d) Công nghệ, sản phẩm khoa học và công nghệ phải đảm bảo tính ổn định ở quy mô sản xuất loạt nhỏ và có tính khả thi trong ứng dụng hoặc phát triển sản phẩm ở quy mô sản xuất hàng loạt.

đ) Tổ chức chủ trì dự án phải có đủ năng lực hoặc huy động được nguồn lực từ bên ngoài để bảo đảm được tài chính, quản lý, công nghệ, sở hữu trí tuệ, pháp lý và những yếu tố quan trọng khác cho việc thực hiện thành công dự án. Hoặc tổ chức chủ trì dự án có khả năng huy động được nguồn kinh phí để thực hiện thông qua sự cam kết hợp tác với doanh nghiệp hoặc tổ chức, cá nhân có nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước.

5. Ưu tiên cho các dự án thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn; dự án chuyển giao, ứng dụng, làm chủ công nghệ thuộc danh mục công nghệ được khuyến khích chuyển giao.

Chương II

TIÊU CHÍ HỖ TRỢ

Điều 4. Tiêu chí dự án đổi mới công nghệ

1. Hỗ trợ tiếp nhận công nghệ, giải pháp hữu ích và sáng chế, trong đó ưu tiên hỗ trợ tiếp nhận các công nghệ hình thành từ nguồn ngân sách tỉnh đầu tư.

2. Hỗ trợ đổi mới thiết bị, cơ sở vật chất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm.

3. Hỗ trợ ứng dụng những công nghệ tiên tiến của nước ngoài vào sản xuất; chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam và được ứng dụng trên địa bàn tỉnh An Giang.

4. Dự án ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm của tỉnh:

a) Sản phẩm tạo ra phải có tính năng, chất lượng, giá cạnh tranh so với sản phẩm cùng loại sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu.

b) Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất phải tăng ít nhất 10% giá trị gia tăng của sản phẩm.

c) Chủ nhiệm phải có ít nhất 03 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thực hiện dự án.

5. Dự án hỗ trợ đổi mới công nghệ, cần đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có kế hoạch hoạt động, kinh doanh rõ ràng, đảm bảo nguồn lực cho việc thực hiện và duy trì dự án;

b) Tổ chức chủ trì phải có cam kết huy động đủ nguồn vốn đối ứng và sử dụng kết quả của dự án; ưu tiên sử dụng nguồn vốn từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ;

c) Đảm bảo năng lực tổ chức thống kê định kỳ hoạt động đổi mới công nghệ.

6. Dự án phát triển các sản phẩm chủ lực của tỉnh:

a) Hỗ trợ dự án ứng dụng và phát triển các công nghệ tiên tiến, dây chuyền công nghệ, thiết bị tiên tiến, đổi mới, hiện đại hóa thiết kế sản phẩm, từ đó có khả năng tạo ra các sản phẩm có sức cạnh tranh và giá trị gia tăng cao.

b) Hỗ trợ hoàn thiện công nghệ: thiết kế, chế tạo thiết bị và dây chuyền sản xuất thử nghiệm; mua sắm, nhập khẩu máy móc thiết bị chuyên dụng trong nước chưa sản xuất được phục vụ trực tiếp cho dự án phát triển sản phẩm chủ lực của tỉnh.

7. Dự án đổi mới công nghệ cho các ngành nghề, làng nghề truyền thống cần đáp ứng:

a) Mục tiêu, nội dung hỗ trợ đổi mới công nghệ phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế địa phương;

b) Xác định được tiềm năng, thế mạnh sản phẩm của các địa phương, các làng nghề và làng nghề truyền thống;

c) Có khả năng phối hợp với các chương trình khuyến công, khuyến nông, khuyến ngư để xây dựng các dự án nghiên cứu triển khai, ứng dụng công nghệ theo thế mạnh, đặc trưng của các địa phương;

d) Ưu tiên cho các dự án góp phần hình thành mô hình sản xuất nông nghiệp bền vững ứng dụng công nghệ tiên tiến tại địa phương.

Điều 5. Tiêu chí dự án sản xuất thử nghiệm, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm

1. Hỗ trợ triển khai sản xuất thử nghiệm, khảo nghiệm và hoàn thiện công nghệ.

2. Sản xuất ở quy mô thử nghiệm; kiểm tra, đánh giá, hoàn thiện công nghệ để phát triển quy mô và năng lực sản xuất các sản phẩm chủ lực, trọng điểm của tỉnh.

3. Thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp, doanh nghiệp khoa học và công nghệ tiên phong sản xuất thử nghiệm các sản phẩm chủ lực, trọng điểm của tỉnh.

4. Dự án hỗ trợ sản xuất thử nghiệm, ứng dụng công nghệ tiên tiến, sản xuất sản phẩm mới, cải tiến thay đổi quy trình công nghệ cần đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có đủ năng lực thực hiện các nội dung dự án. Riêng các dự án nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm, tổ chức chủ trì phải đảm bảo ít nhất 30% nhân lực tham gia có trình độ đại học;

b) Giải trình được các nguồn tài chính huy động ngoài kinh phí Quy định này để thực hiện dự án;

c) Chứng minh được hiệu quả của dự án:

- Đối với dự án nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm, kết quả, sản phẩm dự kiến phải có địa chỉ ứng dụng hoặc chuyển giao;

- Dự án ứng dụng công nghệ tiên tiến phải tạo ra được sản phẩm, dịch vụ

được triển khai tối thiểu ở quy mô huyện, thị, thành phố;

- Sản phẩm tạo ra của dự án sản xuất sản phẩm mới phải có tính năng, chất lượng, giá cạnh tranh so với sản phẩm cùng loại sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu;
- Việc thay đổi quy trình công nghệ góp phần tăng ít nhất 10% giá trị gia tăng của sản phẩm.

Điều 6. Tiêu chí dự án tập huấn kỹ thuật

1. Hỗ trợ tập huấn nâng cao năng lực và kỹ năng trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
2. Tập huấn kỹ thuật, đào tạo nâng cao tính chuyên nghiệp, tiến tới làm chủ công nghệ.
3. Đào tạo kỹ năng, năng lực nâng cao hiệu quả khai thác, vận hành công nghệ quản lý, công nghệ sản xuất.
4. Tập huấn kỹ thuật nâng cao trình độ công nghệ trong sản xuất nông nghiệp.

Điều 7. Tiêu chí dự án hỗ trợ chuyển giao công nghệ

1. Hỗ trợ chuyển giao các công nghệ, công nghệ cao phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh, từ đó tập trung thử nghiệm công nghệ nhằm thích nghi, làm chủ, tiến tới hoàn thiện công nghệ.
2. Thực hiện các hoạt động chuyển giao công nghệ như chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng, vật nuôi, chuyển giao bí quyết công nghệ; xây dựng và hoàn thiện quy trình sản xuất sản phẩm có chất lượng cao và giá cạnh tranh trên thị trường.
3. Đẩy mạnh hoạt động chuyển giao công nghệ, hoàn thiện công nghệ và sản xuất thử nghiệm sản phẩm chủ lực của tỉnh.
4. Dự án tăng cường tiềm lực và nâng cao năng lực phổ biến, chuyển giao công nghệ tại địa phương cần đáp ứng các điều kiện sau:
 - a) Xác định cụ thể, mục tiêu, nội dung, giải pháp của dự án;
 - b) Xác định được đúng nhu cầu, đối tác của chuyển giao công nghệ;
 - c) Huy động được nguồn lực để chuyển giao công nghệ, hỗ trợ kỹ thuật, công nghệ cho doanh nghiệp, nông dân;
 - d) Có kế hoạch hoạt động và được địa phương cam kết cùng hỗ trợ phát triển.

Điều 8. Tiêu chí dự án hỗ trợ nhân rộng

1. Các dự án ứng dụng đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ và sản xuất thử nghiệm được nghiệm thu đạt.
2. Nhân rộng các công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ có xuất xứ từ kết quả nghiên cứu của đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ đã được hội đồng khoa học và công nghệ đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị triển khai

áp dụng hoặc kết quả khai thác sáng chế hoặc giải pháp hữu ích;

3. Quy mô các dự án nhân rộng từ 03-05 hộ thực hiện, cùng sản xuất 01 loại sản phẩm. Phải có hợp đồng bao tiêu sản phẩm và cam kết duy trì dự án sau **thử nghiệm thu là 05 năm**.

Điều 9. Tiêu chí dự án tăng cường nguồn lực cho đổi mới công nghệ vùng nông thôn, miền núi, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn

1. Dự án ứng dụng công nghệ tiên tiến trong nông nghiệp cần đáp ứng các điều kiện sau:

a) Phải xác định được thị trường, khả năng cạnh tranh, chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của sản phẩm;

b) Có khả năng huy động các nguồn lực và cam kết nhân rộng ứng dụng công nghệ;

c) Ưu tiên cho các dự án hỗ trợ ứng dụng công nghệ tiên tiến trong các lĩnh vực sau thu hoạch và chế biến sản phẩm nông nghiệp; cải tạo giống cây trồng, vật nuôi; kỹ thuật canh tác, nuôi trồng và kiểm soát dịch bệnh ở quy mô lớn.

2. Dự án tăng cường nguồn lực cho đổi mới công nghệ vùng nông thôn, miền núi, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn:

a) Đầu tư tăng cường tiềm lực và nâng cao năng lực phổ biến, chuyển giao công nghệ của mạng lưới Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ tại các địa phương, cần đáp ứng các điều kiện sau:

- Xác định cụ thể, mục tiêu, nội dung, giải pháp của dự án;

- Xác định được đúng nhu cầu, đối tác của chuyển giao công nghệ;

- Huy động được nguồn lực để chuyển giao công nghệ, hỗ trợ kỹ thuật, công nghệ cho doanh nghiệp, nông dân;

- Có kế hoạch hoạt động và được địa phương cam kết cùng hỗ trợ phát triển.

b) Hỗ trợ ứng dụng công nghệ tiên tiến trong các lĩnh vực công nghệ sau thu hoạch và chế biến sản phẩm nông nghiệp; cải tạo giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao và cạnh tranh được với giống nhập khẩu; kết hợp chặt chẽ công nghệ tạo giống, kỹ thuật canh tác, nuôi trồng và kiểm soát dịch bệnh ở quy mô lớn;

c) Tổ chức điều tra, khảo sát các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học và kỹ thuật theo đặc trưng của từng vùng, từng địa bàn để xây dựng quy hoạch và hình thành mạng lưới mô hình đổi mới công nghệ đối với từng địa phương;

d) Hỗ trợ đổi mới công nghệ phục vụ việc duy trì, phát triển thế mạnh của các ngành nghề, làng nghề truyền thống.

Chương III

TRÌNH TỰ THỦ TỤC HỖ TRỢ

Điều 10. Quy trình và hồ sơ đề nghị hỗ trợ

1. Quy trình hỗ trợ: Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu hỗ trợ thực hiện các dự án về ứng dụng, đổi mới công nghệ; nhân rộng mô hình sản xuất hiệu quả; sản xuất thử nghiệm; chuyển giao công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, sáng chế, sáng kiến, giải pháp hữu ích; tập huấn kỹ thuật nộp hồ sơ đề nghị về Sở Khoa học và Công nghệ để được xem xét hỗ trợ.

2. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ bao gồm:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ thực hiện dự án.

b) Thuyết minh dự án về ứng dụng, đổi mới công nghệ /Hoặc thuyết minh dự án về nhân rộng mô hình sản xuất hiệu quả; sản xuất thử nghiệm; chuyển giao công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, sáng chế, sáng kiến, giải pháp hữu ích; tập huấn kỹ thuật./Hoặc thuyết minh dự án chuyển giao công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, sáng chế, sáng kiến, giải pháp hữu ích; tập huấn kỹ thuật.

c) Ngoài thành phần hồ sơ nêu trên, cần bổ sung văn bản chứng minh năng lực triển khai dự án kèm theo thuyết minh đăng ký hỗ trợ, như sau:

(i) Giấy chứng nhận tổ chức khoa học và công nghệ hoặc doanh nghiệp của tổ chức đăng ký chủ trì dự án hoặc phối hợp chính trong dự án (bản photo);

(ii) Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm và các cá nhân đăng ký thực hiện chính trong dự án có xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự.

(iii) Sơ yếu lý lịch khoa học của chuyên gia nước ngoài kèm theo giấy xác nhận về mức lương chuyên gia (trường hợp thuê chuyên gia nước ngoài);

(iv) Văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện dự án (nếu có);

(v) Văn bản chứng minh năng lực về nhân lực khoa học và công nghệ, trang thiết bị của đơn vị phối hợp và khả năng huy động vốn từ nguồn khác để thực hiện (trường hợp có đơn vị phối hợp, huy động vốn từ nguồn khác);

(vi) Đối với dự án theo quy định pháp luật phải có vốn đối ứng: Văn bản pháp lý cam kết và giải trình khả năng huy động vốn từ các nguồn ngoài ngân sách nhà nước đạt ít nhất 70% tổng kinh phí đầu tư (báo cáo tài chính của doanh nghiệp trong 02 - 03 năm gần nhất; cam kết cho vay vốn hoặc bảo lãnh vay vốn của các tổ chức tín dụng; cam kết pháp lý và giấy tờ xác nhận về việc đóng góp vốn của tổ chức chủ trì và các tổ chức tham gia dự án);

(vii) Báo giá thiết bị, nguyên vật liệu chính cần mua sắm để thực hiện dự án (03 bảng báo giá);

(viii) Văn bản xác nhận ứng dụng kết quả dự án dự kiến của các tổ chức, cá nhân

trên địa bàn tỉnh đối với dự án chuyển giao công nghệ hoặc dự án nhân rộng (nếu có).

(ix) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất từ 05 năm trở lên tại địa điểm thực hiện mô hình của dự án (bản photo).

3. Giao Sở Khoa học và Công nghệ có hướng dẫn việc thực hiện hồ sơ và quy trình hỗ trợ tại Điều này.

Điều 11. Giao Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thành lập Hội đồng khoa học công nghệ để xem xét nội dung và đánh giá nghiệm thu các dự án xin hỗ trợ tại Quy định này với các bước như Hội đồng khoa học công nghệ cấp tỉnh (thành phần, quyên tặc, đánh giá, xếp loại) theo đúng quy định hiện hành, gồm:

a) Hội đồng khoa học công nghệ thẩm định nội dung dự án xin hỗ trợ.

b) Hội đồng khoa học công nghệ đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện của dự án xin hỗ trợ.

c) Thành viên Hội đồng, chuyên gia (nếu có) được Sở Khoa học và Công nghệ mời là người ngoài tỉnh An Giang sẽ được thanh toán tiền xe, công tác phí theo thực tế.

d) Chỉ thành lập Tổ thẩm định kinh phí để xem xét kinh phí hỗ trợ đối với dự án có chi tiết phức tạp và được Hội đồng khoa học công nghệ thẩm định nội dung dự án xin hỗ trợ thống nhất đề nghị thành lập.

Điều 12. Đối với các trường hợp chấm dứt Hợp đồng; Thanh lý hợp đồng, quản lý kết quả dự án và việc phân chia lợi nhuận khi sử dụng, chuyển giao quyền sử dụng, chuyển nhượng, bằng kết quả dự án sử dụng ngân sách nhà nước: Được thực hiện theo Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về việc quản lý thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 13. Các trường hợp vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ sẽ xử phạt theo Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ theo Nghị định số 51/2019/NĐ-CP ngày 13/6/2019 của Chính phủ.

Chương IV

KINH PHÍ THỰC HIỆN VÀ PHÂN CẤP PHÊ DUYỆT

Điều 14. Định mức chi phí quản lý

1. Chi phí hoạt động của Hội đồng khoa học và công nghệ, Tổ Thẩm định kinh phí (nếu có) trong quy định này được chi từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ cấp tỉnh với định mức chi theo quy định hiện hành.

2. Chi cho hoạt động quản lý, thực hiện các dự án được áp dụng

a) Định mức chi theo Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 16/3/2016 của

Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về quy định định mức chi đối với đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang;

b) Định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng theo Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 13/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt tạm thời định mức kinh tế kỹ thuật trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tỉnh An Giang hoặc các văn bản hiện hành có liên quan.

c) Định mức chi làm căn cứ xây dựng dự toán dự án, trong đó: Hệ số tiền công ngày tính theo lương cơ sở cho các chức danh thực hiện dự án:

STT	Chức danh	Hệ số tiền công ngày
1	Chủ nhiệm	0,32
2	Thành viên thực hiện chính, thư ký	0,20
3	Thành viên	0,12
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,10

Các định mức xây dựng dự toán dự án còn lại được tính theo các quy định hiện hành có liên quan.

Điều 15. Mức hỗ trợ thực hiện dự án

1. Nguồn kinh phí hỗ trợ:

Nguồn kinh phí thực hiện việc hỗ trợ các dự án tại Quy định này được chi từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ và từ các nguồn vốn huy động hợp pháp khác có liên quan.

2. Mức hỗ trợ thực hiện các dự án về đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa.

a) Tối đa đến 30% tổng kinh phí thực hiện dự án và tổng kinh phí hỗ trợ tối đa không quá 600 triệu đồng.

b) Tối đa đến 50% tổng kinh phí thực hiện dự án và tổng kinh phí hỗ trợ tối đa không quá 500 triệu đồng đối với các dự án thực hiện ở các vùng kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn được theo các quy định hiện hành.

3. Mức hỗ trợ thực hiện các dự án nhân rộng mô hình sản xuất hiệu quả được hỗ trợ tối đa đến 30% tổng kinh phí thực hiện dự án và tổng kinh phí hỗ trợ tối đa không quá 400 triệu đồng.

4. Mức hỗ trợ thực hiện các dự án sản xuất thử nghiệm:

a) Tối đa đến 30% tổng mức kinh phí đầu tư mới cần thiết để thực hiện dự án

được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (không tính giá trị còn lại hoặc chi phí khấu hao trang thiết bị, nhà xưởng đã có vào tổng mức kinh phí đầu tư thực hiện dự án), nhưng tổng kinh phí hỗ trợ không quá 700 triệu đồng;

b) Tối đa đến 50% tổng mức kinh phí đầu tư mới cần thiết để thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm trong lĩnh vực nông nghiệp hoặc dự án triển khai tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo các quy định hiện hành, nhưng tổng kinh phí hỗ trợ không quá 600 triệu đồng;

c) Tối đa đến 70% tổng mức kinh phí đầu tư mới cần thiết để thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm trong lĩnh vực nông nghiệp được triển khai trên địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn theo các quy định hiện hành, nhưng tổng kinh phí hỗ trợ không quá 500 triệu đồng.

5. Mức hỗ trợ thực hiện các dự án về chuyên giao công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, chuyên giao sáng chế, sáng kiến, giải pháp hữu ích (không bao gồm đầu tư trang thiết bị công nghệ) tối đa đến 100%, nhưng không quá 300 triệu đồng.

6. Mức hỗ trợ thực hiện các dự án tập huấn kỹ thuật để nâng cao trình độ và khả năng tiếp nhận các kiến thức khoa học tiên bộ mới là 100%, nhưng không quá 200 triệu đồng.

Điều 16. Một số quy định chung:

1. Mức hỗ trợ và thời gian thực hiện đối với mỗi dự án sẽ do Hội đồng khoa học và công nghệ tỉnh (gọi tắt là Hội đồng) xem xét, đánh giá các nội dung hỗ trợ, đề xuất kinh phí hỗ trợ cho từng dự án. Đồng thời, tổ chức Hội đồng nghiệm thu kết quả thực hiện sau khi kết thúc dự án.

2. Mỗi dự án có thể bao gồm nhiều nội dung như dự án ứng dụng, dự án đổi mới nâng cao trình độ công nghệ; dự án sản xuất thử nghiệm; dự án tập huấn kỹ thuật, dự án nhân rộng mô hình và chuyển giao công nghệ. Tuy nhiên, kinh phí hỗ trợ của từng nội dung phải được phân chia cụ thể, phù hợp với định mức hỗ trợ theo quy định này.

3. Thời gian thực hiện:

a) Thời gian thực hiện 01 (một) dự án tối đa không quá 24 tháng kể từ ngày được cấp có thẩm quyền phê duyệt kinh phí hỗ trợ và chỉ được gia hạn thời gian thực hiện 01 lần nhưng không quá 06 tháng. Trường hợp đặc biệt do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

b) Việc gia hạn thời gian dự án chỉ được xem xét trước khi kết thúc hợp đồng ít nhất 01 tháng.

c) Dự án sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt kinh phí hỗ trợ nhưng trong thời gian 03 tháng không triển khai thực hiện thì không được hỗ trợ (trừ khi có ý kiến của cấp có thẩm quyền phê duyệt kinh phí hỗ trợ).

Điều 17. Phân cấp phê duyệt

1. Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm phê duyệt kinh phí hỗ trợ thực hiện dự án sau khi đã được Hội đồng khoa học và công nghệ thống nhất đề xuất cho thực hiện với tổng kinh phí hỗ trợ của mỗi dự án dưới 300 triệu đồng.

2. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt kinh phí hỗ trợ thực hiện các dự án sau khi đã được Hội đồng khoa học và công nghệ thống nhất đề xuất cho thực hiện với tổng kinh phí hỗ trợ của mỗi dự án từ 300 triệu đồng trở lên hoặc có thời gian thực hiện dự án vượt quy định.

Chương V

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN

Điều 18. Trách nhiệm, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Xử lý các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy định, được tổng hợp đề xuất từ việc đánh giá kết quả, tổng kết hoạt động Quy định theo định kỳ 3 năm/lần hoặc đột xuất của Sở Khoa học và Công nghệ, đề xuất nội dung điều chỉnh, bổ sung hoặc cập nhật những văn bản chỉ đạo mới của cấp trên, thông qua đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Thực hiện tổ chức đánh giá Quy định này định kỳ 5 năm/lần.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện hoạt động tuyên truyền, phổ biến chính sách hỗ trợ từ Quy định này; tổ chức vinh danh, khen thưởng các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt các dự án, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao tại địa phương.

c) Đối với các dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định hỗ trợ, sẽ ủy quyền cho Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt thuyết minh và báo cáo tổng kết dự án (trên cơ sở quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt), ký hợp đồng với tổ chức chủ trì và chủ nhiệm; tổ chức theo dõi, đôn đốc, kiểm tra quá trình thực hiện, sửa đổi hợp đồng và chấm dứt hợp đồng; tổ chức nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, công nhận kết quả thực hiện các dự án do Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan chủ quản dự án;

d) Định kỳ 06 tháng, hàng năm hoặc đột xuất (trong trường hợp cần thiết) chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện dự án của Quy định này; phát hiện, giải quyết những khó khăn, vướng mắc theo thẩm quyền hoặc đề xuất với cơ quan có thẩm quyền đối với những trường hợp vượt quá

chức năng, quyền hạn được giao; xác nhận khối lượng và kết quả thực hiện dự án của Quy định để làm căn cứ thanh, quyết toán và cấp kinh phí;

đ) Chủ trì tổ chức theo dõi, kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện dự án của Quy định; theo dõi, tổng hợp việc huy động và sử dụng các nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước cho dự án của Quy định;

e) Tổ chức cấp và thanh toán kinh phí cho tổ chức chủ trì dự án theo tiến độ hợp đồng;

g) Báo cáo định kỳ (hàng năm) kết quả thực hiện Quy định; báo cáo quyết toán kinh phí thực hiện hàng năm của Quy định gửi Ủy ban nhân dân tỉnh. Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Quy định theo định kỳ;

h) Phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh về các thủ tục để được hưởng các cơ chế, chính sách thúc đẩy, khuyến khích, ưu đãi trong Quy định này;

i) Đề xuất khen thưởng đối với các tổ chức, cá nhân có thành tích, đề nghị xử lý hành vi vi phạm của tổ chức chủ trì, chủ nhiệm trong quá trình thực hiện các dự án của Quy định;

Điều 19. Trách nhiệm, quyền hạn của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Đầu mối tiếp nhận các đề xuất hỗ trợ dự án thuộc Quy định; tạo điều kiện cho các tổ chức chủ trì, chủ nhiệm thực hiện có kết quả các nội dung dự án được xem xét hỗ trợ.

2. Tổ chức thẩm định, xét duyệt nội dung, kinh phí thực hiện dự án và trình phê duyệt quyết định hỗ trợ dự án thuộc Quy định này theo phân cấp.

3. Ký hợp đồng với tổ chức chủ trì và chủ nhiệm dự án; tổ chức đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả thực hiện dự án; tổ chức nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, đình chỉ và huỷ bỏ Hợp đồng theo thẩm quyền.

4. Giám sát, kiểm tra, thanh tra hoạt động của các dự án thuộc quy định này (trong giai đoạn thực hiện và sau nghiệm thu trong thời gian 05 năm).

5. Tổng hợp và cân đối tổng dự toán kinh phí thực hiện Quy định để bố trí vào kế hoạch ngân sách khoa học và công nghệ hàng năm; Phối hợp với Sở Tài chính trong việc bảo đảm tài chính cho hoạt động của Quy định.

6. Đánh giá kết quả, tổng kết hoạt động Quy định theo định kỳ 03 năm/lần, đề xuất nội dung điều chỉnh, bổ sung hoặc cập nhật những văn bản chỉ đạo mới của cơ quan cấp trên.

7. Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện Quy định.

8. Ban hành các biểu mẫu hướng dẫn có liên quan về thành phần hồ sơ dự án, tổ chức hội đồng, thẩm định kinh phí, kiểm tra giám sát, báo cáo liên quan đến quá trình triển khai, kết thúc và duy trì dự án được nêu tại Quy định này.

Điều 20. Trách nhiệm, quyền hạn của chủ nhiệm và tổ chức chủ trì dự án

1. Chủ nhiệm có trách nhiệm và quyền hạn như sau:

a) Ký kết Hợp đồng với cơ quan chủ quản dự án; tổ chức thực hiện dự án; chịu trách nhiệm về kết quả, hiệu quả của dự án;

b) Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ, có hiệu quả theo nội dung của Hợp đồng; thực hiện thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành;

c) Được bảo đảm các điều kiện để thực hiện dự án theo thỏa thuận trong Hợp đồng và đề xuất, kiến nghị các điều chỉnh khi cần thiết;

d) Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện dự án theo Hợp đồng. Thực hiện báo cáo định kỳ (03 tháng/lần, hàng năm), báo cáo đột xuất về tình hình triển khai dự án, đồng thời thực hiện chế độ báo cáo **định kỳ 01 lần/năm** trong 05 năm liên tiếp theo quy định về tình hình phát triển, hiệu quả kinh tế, xã hội của dự án, sau khi dự án được nghiệm thu, gửi về Sở Khoa học và Công nghệ.

đ) Thực hiện việc công bố, giao nộp, chuyển giao kết quả, sản phẩm của dự án theo quy định hiện hành.

2. Tổ chức chủ trì có trách nhiệm và quyền hạn như sau:

a) Cùng chủ nhiệm ký Hợp đồng với cơ quan chủ quản dự án; chịu trách nhiệm trong việc quản lý, tổ chức thực hiện dự án và cùng chủ nhiệm thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các cam kết trong Hợp đồng.

b) Trước khi triển khai dự án phải báo cáo đầy đủ về nội dung thực hiện, kinh phí và các thông tin liên quan trong quá trình thực hiện dự án với Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố nơi thực hiện dự án;

c) Chịu trách nhiệm về nội dung, kết quả của dự án được phê duyệt; bảo đảm các kết quả, sản phẩm của dự án được áp dụng, triển khai theo cam kết;

d) Quản lý kinh phí được cấp và đối ứng vốn kịp thời theo tiến độ thực hiện dự án đã cam kết trong Hợp đồng; tổ chức đấu thầu, mua sắm và quản lý máy móc, trang thiết bị của dự án theo quy định hiện hành;

đ) Phối hợp với cơ quan chủ quản dự án theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện dự án và giải quyết các vấn đề nảy sinh thuộc thẩm quyền; theo dõi, tổng hợp việc huy động và sử dụng các nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước của dự án; định kỳ 03 tháng/lần, hàng năm phối hợp với các đơn vị chức năng của cơ quan chủ quản dự án kiểm tra việc thực hiện dự án;

e) Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ, nếu có sự thay đổi, phát sinh về nội dung, quy mô, địa điểm, tiến độ và nhân sự của tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ; tổ chức, cá nhân chủ trì phải kịp thời báo cáo bằng văn bản về Sở Khoa học và Công nghệ để xem xét, giải quyết hoặc thông qua Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý (theo

phân cấp được phê duyệt).

g) Thực hiện chế độ báo cáo với Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với dự án trong quá trình thực hiện và sau khi dự án đã được đánh giá nghiệm thu;

h) Tổ chức quản lý, khai thác, chuyển giao các kết quả của dự án theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Trách nhiệm, quyền hạn của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các Sở, ban ngành, đoàn thể

1. Các sở, ban, ngành, đoàn thể, hiệp hội, hội nghề nghiệp cấp tỉnh:

a) Căn cứ Quy định này hướng dẫn đề xuất hỗ trợ thực hiện các Dự án phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội địa phương nhằm mục đích phát huy hiệu quả của khoa học công nghệ đối với sản xuất và đời sống.

b) Tích cực thông tin, tuyên truyền, phổ biến rộng rãi quy định này và các chính sách liên quan thuộc ngành, lĩnh vực mình quản lý, hoạt động.

c) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định, quản lý việc tổ chức thực hiện và đánh giá hiệu quả ứng dụng, chuyển giao của các dự án triển khai thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố:

a) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ quản lý việc tổ chức thực hiện và đánh giá hiệu quả ứng dụng, chuyển giao của các dự án triển khai trên địa bàn.

b) Hàng năm tổ chức điều tra, khảo sát nhu cầu ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn, tổng hợp đề xuất hỗ trợ về Sở Khoa học và Công nghệ xem xét.

c) Tổ chức tuyên truyền, giới thiệu Quy định này đến các tổ chức, cá nhân có liên quan tại địa phương mình quản lý ít nhất là **03 lần/năm**.

3. Tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ:

a) Thường xuyên rà soát thông tin về công nghệ, thiết bị nội sinh có thể chuyển giao và nhu cầu ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ của các tổ chức, cá nhân nhằm góp phần xúc tiến, hình thành và phát triển thị trường khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ động nghiên cứu ươm tạo, phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ hoặc ươm tạo, phát triển các doanh nghiệp khoa học và công nghệ trực thuộc.

4. Báo An Giang, Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang, các cơ quan báo, đài, cổng thông tin điện tử:

a) Tích cực thông tin, tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Quy định này và các chính sách liên quan đến các tầng lớp nhân dân trong tỉnh.

b) Thường xuyên cập nhật, đưa tin kịp thời các hoạt động liên quan đến Quy định này, các dự án được phê duyệt thực hiện, đặc biệt là những dự án về phát triển các sản phẩm chủ lực của tỉnh, sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và đạt hiệu quả cao.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Đánh giá kết quả hoạt động hỗ trợ của Quy định

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì tổ chức đánh giá kết quả hoạt động của Quy định này định kỳ 05 năm/lần và xử lý các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy định.

2. Sở Khoa học và công nghệ chủ trì đánh giá kết quả hoạt động Quy định theo định kỳ 03 năm/lần, đề xuất nội dung điều chỉnh, bổ sung hoặc cập nhật những văn bản chỉ đạo mới của cấp trên, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện Quy định.

Điều 23. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Quy định này để các Sở, Ban, ngành, Đoàn thể và địa phương các cấp; các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện.

2. Các Sở, Ban, ngành, Đoàn thể và địa phương các cấp trong tỉnh; các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện và tổ chức các hoạt động khoa học công nghệ thuộc phạm vi đơn vị mình quản lý theo hướng dẫn của Quy định này.

3. Trong trường hợp các văn bản pháp luật được căn cứ trong Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản pháp luật mới.

Điều 24. Quy định chuyển tiếp và trách nhiệm thi hành

Đối với những dự án đã được phê duyệt hỗ trợ theo Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ được tiếp tục hỗ trợ thực hiện theo các nội dung đã được phê duyệt cho đến khi kết thúc dự án và thực hiện chế độ báo cáo, giám sát theo Quy định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Thư